

Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 599/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1996;

ĐKTT: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B;

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị C và anh Đỗ Ngọc T. Quan hệ hôn nhân xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 17/02/2014 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con C: Anh Đỗ Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con C tên Đỗ Trịnh Yến N, sinh ngày 19/10/2014. Ghi nhận anh Đỗ Ngọc T tự nguyện không yêu cầu

chị Trịnh Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trịnh Thị C có quyền thăm nom con C, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản C*: Không có.

- *Về nợ C*: Không có.

- *Về án phí hôn nhân gia đình hòa giải thành*: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Trịnh Thị C tự nguyện nộp toàn bộ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008582 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Sau khi khấu trừ, hoàn lại cho chị Trịnh Thị C số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. T hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã A(B, B);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phạm Văn Long